

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH
CHUYÊN NGÀNH: MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU

1. Đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là: Toán cao cấp; Tiếng Anh; môn chuyên ngành: Cơ sở Công nghệ thông tin.

Đối tượng tuyển sinh được quy định cụ thể như sau:

1.1. Về văn bằng: người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng sau:

Bảng 1. Quy ước mã nhóm đối tượng học viên			
Ngành học đại học	Chương trình đại học hệ chính quy*		
	5 năm hoặc ≥ 155 TC	4,5 năm hoặc 141 - 154 TC	4 năm hoặc 128 - 140 TC
Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật máy tính, Toán tin ứng dụng, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện tử, truyền thông, Tin học công nghiệp của Đại học Bách khoa Hà Nội.	A1	A2	A3
Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện tử, Kỹ thuật Viễn thông, Điện tử Viễn thông, Điều khiển tự động, Tự động hóa, Cơ điện tử, Tin học công nghiệp; Toán ứng dụng, Toán tin ứng dụng của các trường đại học, Sư phạm tin, sư phạm kỹ thuật tin của các trường đại học khác; Tốt nghiệp đại học tại chức ĐHBK HN các các ngành (đối tượng B2): CNTT, Kỹ thuật Điện tử, Kỹ thuật Viễn thông, Điện tử Viễn thông, Điều khiển tự động, Tự động hóa, Cơ điện tử, Tin học công nghiệp; Toán ứng dụng, Toán tin ứng dụng, Sư phạm tin, Sư phạm kỹ thuật tin;	B1	B2	B3
Đại học Tại chức của các trường đại học khác các ngành: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện tử, Kỹ thuật Viễn thông, Điện tử Viễn thông, Điều khiển tự động, Tự động hóa, Cơ điện tử, Tin học công nghiệp; Toán ứng dụng, Toán tin ứng dụng, Sư phạm tin, Sư phạm kỹ thuật tin.	C		

- Đối với **thạc sỹ khoa học Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (định hướng nghiên cứu)**, người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng sau: A1, A2, A3, B1, B2, B3 ngoại trừ đối tượng Cử nhân công nghệ ngành Công nghệ thông tin ĐHBKHN.
- Đối với **thạc sỹ kỹ thuật Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (định hướng ứng dụng)**, người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng sau: A1, A2, A3, B1, B2, B3, C.

1.2. Về thâm niên công tác:

Đối với chương trình đào tạo Thạc sỹ kỹ thuật: không có quy định về thâm niên công tác

Đối với chương trình đào tạo Thạc sỹ khoa học:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.
- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo (có xác nhận của nơi làm việc).

2. Thời gian đào tạo

- Khóa đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A1 là 1 năm (2 học kỳ chính: kỳ III, IV)
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A2, B1 là 1,5 năm (3 học kỳ chính: kỳ II, III, IV)
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A3, B2, C là 2 năm (4 học kỳ chính: kỳ I, II, III, IV)

3. Bổ sung kiến thức

Danh mục các học phần bổ sung trong bảng 2 và danh mục các đối tượng và học phần phải học bổ sung cụ thể trong bảng 3.

- Đối tượng A1, A2, A3, B1, B2 quy định ở phần 1.1 không phải học bổ sung kiến thức.
- Người tốt nghiệp đại học thuộc nhóm đối tượng C phải học bổ sung 6 tín chỉ.

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Bổ sung kiến thức	IT3090	Cơ sở dữ liệu	3	3(3-1-0-6)
	IT3080	Mạng máy tính	3	3(3-1-0-6)

Bảng 3. Danh mục đối tượng phải học bổ sung

TT	Cơ sở đào tạo đại học, chương trình/chuyên ngành đào tạo mà đối tượng tuyển sinh đã tốt nghiệp	Số TC bổ sung	Các HP bổ sung cụ thể (thuộc bảng 2)	Ghi chú
1	Nhóm C (bảng 1)	6	1, 2	

4. Miễn học phần

Danh mục các học phần được miễn học trong bảng 4 và danh mục các đối tượng và học phần được miễn cụ thể trong bảng 5.

Bảng 4: Danh mục học phần xét miễn học				
TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Mạng không dây và truyền thông di động	IT5570	2(2-1-0-4)	
2	Đánh giá hiệu năng mạng	IT5670	2(2-1-0-4)	
3	Kỹ thuật truyền thông	IT5560	3(3-1-0-6)	
4	Xử lý dữ liệu đa phương tiện	IT5620	3(3-1-0-6)	

5	Các hệ thống thông tin vệ tinh	IT5580	2(2-1-0-4)	
6	Web thế hệ mới	IT5590	2(2-1-0-4)	
7	Tính toán di động	IT5600	2(2-1-0-4)	
8	Các giao thức định tuyến	IT5610	2(2-1-0-4)	
9	Xử lý tín hiệu ngẫu nhiên	IT5660	2(2-1-0-4)	
10	Xử lý ảnh	IT5625	2(2-1-0-4)	
11	Quản trị dự án Công nghệ thông tin	IT5630	2(2-1-0-4)	
12	Nền tảng hệ thống cho ứng dụng phân tán	IT5640	2(2-1-0-4)	
13	Thiết kế mạng	IT5650	2(2-1-0-4)	

Bảng 5: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Cơ sở đào tạo đại học và chương trình/chuyên ngành đào tạo mà đối tượng tuyển sinh đã tốt nghiệp	Số TC được miễn	Các HP được miễn cụ thể (thuộc bảng 4)	Ghi chú
1	Đối tượng A1 quy định ở bảng 1	22	Các học phần học kỳ I, II trong năm thứ nhất của chương trình cao học	
2	Đối tượng B1, A2 quy định ở bảng 1	11	Các học phần học kỳ I năm thứ nhất của chương trình cao học	
3	Các đối tượng còn lại quy định ở bảng 1	0	Không miễn	